

Khách A xem danh sách các món ăn tại chi nhánh 1 có số lượng ≥ 1 , khách B mua 1 món trong đó (số lượng =0).

Tên Use Case:	Xem danh sách món ăn.	
Kịch bản:	Khách hàng muốn xem danh sách món ăn.	
Sự kiện kích hoạt:	Khách hàng muốn xem các món ăn của chi nhánh.	
Tóm tắt mô tả:	Khách hàng truy cập ứng dụng, ở trang chủ khách hàng sẽ chọn chi nhánh để xem danh sách món ăn ở đó.	
Actors:	Khách hàng.	
Stakeholders:	Khách hàng.	
Điều kiện trước:	Khách hàng truy cập vào ứng dụng thành công.	
Điều kiện sau:	Danh sách món ăn của chi nhánh mà khách hàng muốn xem.	
Luồng chính:	Actor	System
	1. Khách hàng đăng nhập vào ứng dụng. 2. Khách hàng chọn chi nhánh. 3. Khách hàng nhấn chọn vào một món ăn.	1. Hệ thống kiểm tra thông tin và hiển thị màn hình chọn chi nhánh. 2. Hiển thị danh sách món ăn của chi nhánh. 3. Hiển thị thông tin món ăn cho khách hàng.
Ngoại lệ:	1.1. Nếu thông tin đăng nhập không đúng thì hệ thống thông báo và yêu cầu nhập lại.	

Tên Use Case:	Mua món ăn.	
Kịch bản:	Khách hàng muốn mua món ăn đã chọn trong giỏ hàng.	
Sự kiện kích hoạt:	Khách hàng nhấn đặt mua.	
Tóm tắt mô tả:	Khách hàng muốn đặt mua món đã chọn trong giỏ hàng.	
Actors:	Khách hàng.	
Stakeholders:	Khách hàng.	
Điều kiện trước:	Khách hàng phải đăng nhập. Số lượng đặt mua không được nhiều hơn số lượng còn lại của món ở chi nhánh đặt mua.	
Điều kiện sau:	Thông báo đặt món thành công. Số lượng món giảm.	
Luồng chính:	Actor	System
	1. Khách hàng đăng nhập. 2. Chọn chi nhánh. 3. Khách hàng chọn món ăn. 4. Khách hàng chọn số lượng.	1. Kiểm tra thông tin đăng nhập và hiển thị danh sách chi nhánh cho khách hàng chọn. 2. Hiển thị danh sách món ăn.

	5. Khách hàng nhấn chọn thêm vào giỏ.	3. Hiển thị thông tin món ăn và cho phép chọn số lượng ở màn hình đó. 4. Chờ. 5. Kiểm tra và cập nhật vào database.
Ngoại lệ:	1.1. Nếu thông tin đăng nhập sai thì hệ thống sẽ thông báo và yêu cầu đăng nhập lại.	